

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ANH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG ANH CONSTRUCTION AND INVESTMENT DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHUONG ANH CONSTRUCTION AND INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109563307

3. Ngày thành lập: 23/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 37, ngõ 84, đường Xuân Phương, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936146799

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình thủy	4291
2.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
3.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
5.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
6.	Xây dựng nhà để ở	4101
7.	Xây dựng nhà không để ở	4102
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
9.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
11.	Bốc xếp hàng hóa	5224
12.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
15.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
16.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Phá dỡ	4311
19.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

20.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
23.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
25.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
26.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511
29.	Khai thác và thu gom than non	0520
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
31.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
33.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
34.	Khai thác quặng sắt	0710
35.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
36.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
37.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
39.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
40.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
42.	Đại lý du lịch	7911
43.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
44.	Điều hành tua du lịch	7912
45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6810

46.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); (Không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
47.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện (Điều 31 Nghị định 137/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật điện lực và Luật điện lực sửa đổi; Điều 6 Nghị định 08/2018/NĐ-CP) (Trừ hoạt động điều độ điện hệ thống điện quốc gia)	3512
48.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
49.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
50.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
51.	Giáo dục nhà trẻ	8511
52.	Giáo dục mẫu giáo	8512
53.	Giáo dục tiểu học	8521
54.	Bán buôn tổng hợp (trừ hàng hóa mà nhà nước cấm)	4690
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	TDP Số 3 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	490.000	4.900.000.000	98,000	036185003382	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	490.000	4.900.000.000	98,000		
2	BÙI THỊ HƯƠNG	Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	1,000	017149046	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000	50.000.000	1,000		

3	NGUYỄN THỊ MINH YẾN	Tổ dân phố Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	1,000	001183015095
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5.000	50.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/07/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036185003382

Ngày cấp: 07/02/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP Số 3 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TDP Số 3 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội